

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

MỤC LỤC

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**



---

Hà Nội, tháng 03 năm 2016

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Văn Hạc	Chủ tịch
Ông Trần Thiện Cảnh	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Trần Thiện Cảnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thúy Hào	Kế toán trưởng (từ ngày 01/12/2015)
Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp	Kế toán trưởng (đến ngày 30/11/2015)

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 và thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC) hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Thiện Cảnh**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Số: 87 /2016/UHYACA-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 16/03/2016, trình bày từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tự Trung**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số  
1226-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA (UHY ACA LTD)**

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2016

**Hà Minh Long**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số  
1221-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>118.819.821.427</b>	<b>104.336.443.540</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>831.289.872</b>	<b>4.120.837.440</b>
1. Tiền	111		831.289.872	4.120.837.440
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>6.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	6.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.904.725.454</b>	<b>61.341.940.348</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	73.424.437.697	45.528.412.634
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.628.865.786	5.437.063.809
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	7.910.329.971	10.611.127.905
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(58.908.000)	(234.664.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>33.746.252.356</b>	<b>32.478.343.509</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	33.746.252.356	32.478.343.509
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>337.553.745</b>	<b>395.322.243</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	337.553.745	391.322.243
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	4.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.790.318.808</b>	<b>20.123.493.969</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.934.594.465</b>	<b>9.266.681.800</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	20.338.052.308	9.226.681.800
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		5.365.596.600	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	6	230.945.557	40.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.565.171.671</b>	<b>10.150.258.499</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	8.402.240.466	9.874.609.112
- Nguyên giá	222		27.150.759.162	27.990.553.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.748.518.696)	(18.115.944.334)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	162.931.205	275.649.387
- Nguyên giá	228		923.552.909	923.552.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(760.621.704)	(647.903.522)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>208.704.364</b>	<b>208.704.364</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	208.704.364	208.704.364
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>81.848.308</b>	<b>497.849.306</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	81.848.308	497.849.306
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>153.610.140.235</b>	<b>124.459.937.509</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>119.974.743.616</b>	<b>91.900.171.196</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>100.518.896.826</b>	<b>91.900.171.196</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	12.156.611.492	12.805.957.012
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.450.628.552	13.724.708.086
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	12.334.193.959	5.314.067.176
4. Phải trả người lao động	314		6.768.652.500	8.122.353.848
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		225.589.881	426.232.082
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.377.818.584	7.725.860.945
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	52.876.905.196	43.356.479.678
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		328.496.662	424.512.369
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.455.846.790</b>	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	12	8.509.961.463	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		8.440.220.953	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	14	2.505.664.374	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>33.635.396.619</b>	<b>32.559.766.313</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>33.753.205.821</b>	<b>33.807.809.921</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.295.890.000	20.295.890.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.269.810.653	11.170.094.782
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.187.505.168	2.341.825.139
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		52.974.875	347.507.721
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.134.530.293	1.994.317.418
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(117.809.202)</b>	<b>(1.248.043.608)</b>
Nguồn kinh phí	431		(117.809.202)	(1.248.043.608)
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>153.610.140.235</b>	<b>124.459.937.509</b>



Trần Thiện Cảnh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thúy Hào  
Kế toán trưởng

Phạm Mỹ Hạnh  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	102.160.448.821	79.178.268.769
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102.160.448.821	79.178.268.769
4. Giá vốn hàng bán	11	18	71.193.377.453	52.071.007.763
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.967.071.368	27.107.261.006
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	348.581.786	430.834.639
7. Chi phí tài chính	22	20	3.254.224.576	3.229.045.002
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.250.736.929	3.223.822.969
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		24.276.179.122	21.561.709.032
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.785.249.456	2.747.341.611
11. Thu nhập khác	31		347.093.818	122.378.753
12. Chi phí khác	32		1.077.920.770	233.381.315
13. Lợi nhuận khác	40		(730.826.952)	(111.002.562)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.054.422.504	2.636.339.049
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	919.892.211	642.021.631
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.134.530.293	1.994.317.418
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.052	904



Trần Thiện Cảnh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thúy Hào  
Kê toán trưởng

Phạm Mỹ Hạnh  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		98.849.995.338	89.331.353.249
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(56.135.222.424)	(55.365.207.949)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(47.433.825.580)	(39.661.989.396)
Tiền lãi vay đã trả	04		(2.609.573.148)	(2.336.058.784)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(10.150.000)	(1.369.495.802)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.445.654.169	3.190.264.396
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.923.430.781)	(5.328.591.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(9.816.552.426)</b>	<b>(11.539.726.186)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(125.990.909)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		189.981.818	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		340.749.169	404.458.487
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>530.730.987</b>	<b>278.467.578</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		88.740.907.044	72.511.321.836
Tiền trả nợ gốc vay	34		(79.220.481.526)	(55.941.136.584)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.523.860.900)	(3.563.108.970)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>5.996.564.618</b>	<b>13.007.076.282</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(3.289.256.821)</b>	<b>1.745.817.674</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>4.120.837.440</b>	<b>2.376.030.829</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(200.747)	(1.011.063)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>831.379.872</b>	<b>4.120.837.440</b>



**Trần Thiện Cảnh**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Thúy Hào**  
Kế toán trưởng

**Phạm Mỹ Hạnh**  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng - đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định số 2834/QĐ-BGTVT ngày 15/8/2005 và Quyết định 4382/QĐ-BGTVT ngày 18/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104570, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11/07/2014 (chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010328 ngày 16/12/2005) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Công ty có các thông tin về các Chi nhánh như sau:

#### Tên Chi nhánh

#### Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	305 đường D5, phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Công trình	Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thông tin tín hiệu	Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng cầu hầm	Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Khảo sát Công trình	Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông vận tải: Xí nghiệp Tư vấn đầu tư và xây dựng công trình giao thông	Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông vận tải: Xí nghiệp Đầu tư Bất động sản	Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông gồm:

- Lập quy hoạch, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải;
- Khảo sát, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình đường sắt và đường bộ (bao gồm: cầu, hầm, cống, đường, ga, trạm, hệ thống thông tin tín hiệu, xây dựng công nghiệp và dân dụng);
- Thiết kế, đóng mới, phục hồi, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị cơ khí chuyên dụng cho ngành đường sắt;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Thẩm tra các báo cáo đầu tư và dự án đầu tư, thiết kế và dự toán công trình;
- Tư vấn kiểm định, tư vấn giám sát chất lượng thi công xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn soạn thảo các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải;
- Thi công xây dựng công trình thực nghiệm và các công trình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới...

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải được lập theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2.2. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán. Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 24.2 - Thuyết minh báo cáo tài chính.

**3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn trong tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty đang có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng. Tuy nhiên, các đối tượng này đều là các đơn vị sử dụng nguồn vốn ngân sách của nhà nước và Công ty đã có biện pháp đảm bảo thanh toán nợ, Công ty đánh giá đây đều là các khoản công nợ có khả năng thu hồi trong thời gian tới và không thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 06
- Phương tiện vận tải	08

**3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm thiết kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định vô hình, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Phần mềm thiết kế	05

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác:

Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng, cho thuê ô tô được ghi nhận theo nội dung các điều khoản của hợp đồng thuê, thời gian cho thuê trong năm tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Giá vốn:

Chi phí giá vốn của Công ty được xác định bằng chi phí dở dang đầu kỳ cộng (+) chi phí phát sinh thực tế trong kỳ trừ (-) đi giá trị chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm tài chính được Công ty xác định là các chi phí trực tiếp (không bao gồm chi phí tiền lương và các khoản chi phí phân bổ) của các công trình/hạng mục công trình đang thực hiện, chưa hoàn thành và chắc chắn sẽ được nghiệm thu và thanh toán trong tương lai.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.8 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN (TIẾP)

Chi phí tiền lương được xác định trên cơ sở doanh thu thực tế ghi nhận trong năm. Chi phí tiền lương năm 2015 của Công ty được tính trên cơ sở đơn giá tiền lương theo doanh thu ban hành theo Quyết định số 313/QĐ-QLKD ngày 31/3/2015 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

### 3.9 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán theo tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ, phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào chuyển khoản của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.